

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



switch disconnecter, Compact INS630b, 630A, standard version with black rotary handle, 3 poles

31342

Main

Range	ComPact
Product name	ComPacT INS
Product or component type	Switch disconnecter
poles description	3P
Network type	DC AC
Network frequency	50/60 Hz
[Ie] rated operational current	AC-21A: 630 A AC 50/60 Hz 220/240 V AC-21A: 630 A AC 50/60 Hz 380/415 V AC-21A: 630 A AC 50/60 Hz 440/480 V AC-21A: 630 A AC 50/60 Hz 480 V NEMA AC-21A: 630 A AC 50/60 Hz 500/525 V AC-21A: 630 A AC 50/60 Hz 660/690 V AC-22A: 630 A AC 50/60 Hz 220/240 V AC-22A: 630 A AC 50/60 Hz 380/415 V AC-22A: 630 A AC 50/60 Hz 440/480 V AC-22A: 630 A AC 50/60 Hz 480 V NEMA AC-22A: 630 A AC 50/60 Hz 500/525 V AC-22A: 630 A AC 50/60 Hz 660/690 V AC-23A: 630 A AC 50/60 Hz 220/240 V AC-23A: 630 A AC 50/60 Hz 380/415 V AC-23A: 630 A AC 50/60 Hz 440/480 V AC-23A: 630 A AC 50/60 Hz 480 V NEMA AC-23A: 630 A AC 50/60 Hz 500/525 V AC-23A: 630 A AC 50/60 Hz 660/690 V DC-21A: 630 A DC 125 V 2 poles in series DC-22A: 630 A DC 125 V 2 poles in series DC-23A: 630 A DC 125 V 2 poles in series
[Ui] rated insulation voltage	1000 V AC 50/60 Hz
[Uimp] rated impulse withstand voltage	12 kV
[Ith] conventional free air thermal current	630 A at 60 °C
[Icm] rated short-circuit making capacity	330 kA with upstream protection circuit breaker 690 V AC at 50/60 Hz 75 kA switch-disconnector alone 690 V AC at 50/60 Hz
[Ue] rated operational voltage	125 V DC 690 V AC 50/60 Hz
Suitability for isolation	Yes
Contact position indicator	Yes
Visible break	No
Pollution degree	3

Complementary

Control type	Direct front rotary handle
--------------	----------------------------

handle colour	Black
Mounting mode	Fixed
Mounting support	Rail Plate
Upside connection	Front
downside connection	Front
Maximum power	AC-23: 250 kW at 220/240 V AC 50/60 Hz AC-23: 400 kW at 380/400 V AC 50/60 Hz AC-23: 500 kW at 415 V AC 50/60 Hz AC-23: 560 kW at 500/525 V AC 50/60 Hz AC-23: 710 kW at 660/690 V AC 50/60 Hz
Rated duty	Uninterrupted
Intermittent duty class	Class 120 - 60 %
[Icw] rated short-time withstand current	10 kA during 20 s conforming to IEC 60947-3 20 kA during 3 s conforming to IEC 60947-3 35 kA during 1 s conforming to IEC 60947-3 42 kA during 0.8 s conforming to IEC 60947-3 50 kA during 0.5 s conforming to IEC 60947-3 8 kA during 30 s conforming to IEC 60947-3
Mechanical durability	5000 cycles
Electrical durability	AC-21A: 1000 cycles 220/240 V AC 50/60 Hz AC-21A: 1000 cycles 380/415 V AC 50/60 Hz AC-21A: 1000 cycles 440/480 V AC 50/60 Hz AC-21A: 1000 cycles 480 V AC 50/60 Hz conforming to NEMA AC-21A: 1000 cycles 500/525 V AC 50/60 Hz AC-21A: 1000 cycles 660/690 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1000 cycles 220/240 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1000 cycles 380/415 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1000 cycles 440/480 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1000 cycles 480 V AC 50/60 Hz conforming to NEMA AC-22A: 1000 cycles 500/525 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1000 cycles 660/690 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1000 cycles 220/240 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1000 cycles 380/415 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1000 cycles 440/480 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1000 cycles 480 V AC 50/60 Hz conforming to NEMA AC-23A: 1000 cycles 500/525 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1000 cycles 660/690 V AC 50/60 Hz DC-21A: 1000 cycles 125 V DC 2 poles in series DC-22A: 1000 cycles 125 V DC 2 poles in series DC-23A: 1000 cycles 125 V DC 2 poles in series
Connection pitch	70 mm
Height	300 mm
Width	340 mm
Depth	146.5 mm
Net weight	14 kg

Environment

Standards	IEC 60947-3 IEC 60947-1
Product certifications	KEMA-KEUR
IP degree of protection	IP40 conforming to IEC 60529
IK degree of protection	IK07 conforming to EN 50102
Ambient air temperature for operation	-25...70 °C
Ambient air temperature for storage	-50...85 °C

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	20.0 cm
Package 1 Width	33.0 cm
Package 1 Length	36.0 cm
Package 1 Weight	15.746 kg

Contractual warranty

Warranty	18 months
----------	-----------

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)


[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch [RoHS/REACH](#)

Hiệu suất sức khỏe

 Mercury Free

 RoHS Exemption Information [Yes](#)

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation

[REACH Declaration](#)

Eu RoHS Directive

Compliant with Exemptions

China RoHS Regulation

[China RoHS declaration](#)

Product out of China RoHS scope. Substance declaration for your information

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

Weee

The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

Circularity Profile

No need of specific recycling operations